TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2026/HS-ST
Ngày: 21/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Na Na
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Thị Xuân Thương
- Ông Hoàng Minh Tân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/HSST-QĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: không), sinh năm 2001; Nơi cư trú: Thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 07/12. Cha: không có. Con bà: Phan Thị L, sinh năm 1966. Vợ: Ngô Thị Hồng V, sinh năm: 2001; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2025. Tiền án, tiền sự: chưa. Áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc Vỹ K (tên gọi khác: không), sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ A, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1978; Con bà: Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1975; có vợ: Lê Thị Kiều M, sinh năm: 2001 và có 01 con. Tiền án, tiền sự: chưa. Áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Duy T1** (tên gọi khác: không), sinh năm 2001. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Phạm Đình B1, Sinh năm: 1968. Con bà: Lê Thị A, sinh năm 1969. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: chưa. Áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ D, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, *vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K và Phạm Duy T1 là những người làm thuê cho bà Bùi Thị M1, địa chỉ: tổ G, phường C, tỉnh Quảng Ngãi với công việc hàng ngày được bà M1 giao chất hàng hóa lên xe ôtô tải biển kiểm soát 76H.01241 (xe ô tô của bà M1 do K điều khiển) theo đơn hàng của khách bà M1 đưa rồi chở hàng đi giao cho các tiệm tạp hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Vào khoảng 15 giờ, ngày 02/4/2025, trong lúc H, T1 và K đang tiến hành soạn đơn hàng và chất hàng lên xe theo yêu cầu của bà M1. Lợi dụng tại kho hàng lúc này không có ai quản lý thì H nảy sinh ý định trộm cắp sữa Dutch Lady, sữa đặc có đường nguyên kem lon 380g. H bàn bạc với K, T1 về việc lấy trộm sữa Dutch Lady, sữa đặc có đường nguyên kem lon 380g để mang lên xe cất giấu rồi đem đi bán cho bất kỳ tiệm tạp hóa nào trên đường đi giao hàng, sau đó chia đều số tiền bán được để tiêu xài cá nhân. K và T1 đồng ý. Sau đó, cả ba lén lút trộm cắp 03 (ba) thùng sữa loại Dutch Lady sữa đặc có đường nguyên kem lon 380g (mỗi người bưng một thùng sữa) cất giấu trong thùng xe ôtô biển kiểm soát 76H.01241. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bà M1 đến kiểm tra hàng trên xe thì phát hiện H, K, T1 có hành vi trộm 03 (ba) thùng sữa của bà M1, bà M1 đã trình báo Công an. Bà M1 đã nhận lại 03 thùng sữa loại Dutch Lady sữa đặc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 181/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2025, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: Giá trị của 03 thùng sữa loại Dutch Lady sữa đặc có đường nguyên kem lon 380g, trong 01 thùng có 48 lon (chưa qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong), tại thời điểm ngày 02/04/2025 là 4.254.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

* Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSNDKV1- Quảng Ngãi ngày 15/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K và Phạm Duy T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi, vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K và Phạm Duy T1 phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Vỹ K từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu thập.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s và điểm v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu thập.

Về dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Các bị cáo H, K và T1 đều thống nhất với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo H, K và Tân kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì lời khai của bị hại đã khai đầy đủ, thể hiện rõ tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[**3**] Tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo H, K và T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ, ngày 02/4/2025 các bị cáo H, K và T1 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản 03 thùng sữa, loại Dutch Lady sữa đặc của bà Bùi Thị M1, tài sản trộm cắp có giá trị 4.254.000 đồng. Hành vi của các bị cáo H, K và T1 đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo H, K và T1 về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[**3.1**] Xét vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo H, K và T1 đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì suy nghĩ nhất thời, nông cạn khi nghe bị cáo H đề xướng lấy thùng sữa loại Dutch Lady sữa đặc, để bán lấy tiền tiêu xài thì các bị cáo K, T1 đều đồng ý nên

đã thực hiện hành vi trộm 03 thùng sữa của bà M1. Sự việc trên đã bị bà M1 phát hiện và báo công an, các bị cáo đã giao trả lại 03 thùng sữa cho bà M1 ngay sau đó. Hành vi phạm tội của các bị cáo H, K và T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, mục đích để giáo dục, răn đe các bị cáo.

[**3.2**] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo:

Các bị cáo H, K và T1 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo H, K và T1 đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội chưa gây thiệt hại quy định tại điểm h, i, và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bản thân của bị cáo T1 đã Tư lệnh binh chủng tăng thiết giáp tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ trong tham gia phòng chống dịch Covid - 19 nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài các bị cáo H, K và T1 có các tình tiết giảm nhẹ khác, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, là lao động chính trong gia đình nuôi 01 vợ và 03 con nhỏ, nuôi mẹ ruột bị bệnh hiểm nghèo. Bị cáo T1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự năm 2023, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch covid 19 trên địa bàn thành phố B năm 2021. Đây là các là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có khả năng tự cải tạo thành người tốt mà chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục răn đe đối với bị cáo.

[3.3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều không có thu nhập ổn định. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về dân sự, xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại không có yêu cầu gì khác.

[**5**] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đề nghị tại phiên toà về tội danh, mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, riêng hình phạt đối với bị cáo K, T1 là chưa nghiêm.

[**6**] Án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K và Phạm Duy T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K.

Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s và điểm v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Duy T1.

Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K, Phạm Duy T1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/01/2026). Giao bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Vỹ K 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/01/2026). Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Vỹ K cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường C, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Duy T1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/01/2026). Giao bị cáo Phạm Duy T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Quảng Ngãi giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã A, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Mỗi bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Vỹ K và Phạm Duy T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án sơ thẩm xử công khai, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV1- QN;
- CQCSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường Cẩm Thành;
- UBND xã Nghĩa Giang;
- UBND xã An Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Na Na